

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

M. Albert Sarraut

Ông Albert Sarraut

Parler de M. Albert Sarraut quand on a été son collaborateur et son subordonné; étudier l'homme et apprécier l'œuvre est une entreprise difficile mais, par cela même, séduisante. Au surplus, je le connais assez pour savoir qu'il ne déteste pas la vérité, peut-être parce qu'il sait qu'il n'a rien à redouter d'elle, et je suis bien convaincu qu'il préfère une critique si elle est juste à un éloge qui serait banal et conventionnel.

D'abord, un fait me frappe : M. Albert Sarraut est un des rares hommes qui aient grandi avec le pouvoir et qui se montrent toujours égaux et souvent supérieurs aux tâches diverses qui leur ont été confiées. De bonne heure, il a été aux prises avec les difficultés et s'il en a triomphé, c'est qu'il les a toujours regardées en face. Tout jeune encore, il a dû gagner sa vie et c'est d'abord au journalisme qu'il a demandé les ressources quotidiennes. Mais il avait la volonté, il avait la foi en sa jeunesse et la confiance dans ses forces; il avait un frère, lui aussi chef de famille avant l'âge et qui le guida, (ainsi s'explique cette union étroite et touchante des deux frères qui ont traversé la vie la main dans la main). Albert Sarraut se crée par sa simplicité, sa bonne humeur, sa facilité de parole et d'action, de chaudes amitiés dans cette ville ardente de Carcassonne; il y défend ardemment et âprement la cause républicaine et le voici député de l'Aude.

Minh là người đã giúp việc, đã ở dưới quyền quan ALBERT SARRAUT, mà nay nói về ngài, nghiên-cứu về nhân-cách, bình-phẩm về sự-nghiệp của ngài, thật cũng là một sự khó, nhưng chính vì khó mà cũng là một cái thú. Vả tôi đây biết ngài đã nhiều, chắc rằng ngài không có ghét nói thực, có lẽ là vì ngài biết rằng nói thực cũng không ngại gì cho ngài, và tôi dám quyết rằng ngài tra một câu bình-phẩm đích-dáng hơn là một lời tán-tụng đầu lưỡi.

Trước nhất có một sự tôi lấy làm chú-ý : là quan SARRAUT là một người càng có quyền-thế, nhân-cách lại càng cao, và dù đương trách-nhiệm gì cũng là tỏ ra xứng-dáng và nhiều khi cao hơn trách-nhiệm nữa, hạng người đó tưởng cũng ít có vậy. Sớm đã gặp sự khó-khăn mà thắng-đoạt được, vì bao giờ cũng bạo-dạn mà đối lại. Tuổi hầy còn trẻ đã phải làm việc để kiếm ăn, và trước hết theo nghề báo để làm kế sinh-nhai. Nhưng ngài là người có trí, biết tin ở cái sức trai-trẻ mạnh-mẽ của mình. Ngài có một người anh cả, cũng tuổi còn trẻ đã phải cang-dáng việc nhà, diu-giắt cho em (bởi thế nên hai anh em sau này một lòng thương yêu hòa-thuận nhau, tựa-hồ như giắt tay nhau mà đi trên cõi đời vậy.) Được tính-cách giản-dị vui-vẻ, hoạt-bát trong lời nói, trong việc làm, nên trong tỉnh nhà, — là thành Carcassonne hăng-hái kia, — nhiều người yêu-mến lắm; thường đem hết lòng nhiệt-thành gia sức bênh-vực cho chủ-nghĩa Dân-quốc, nên được bầu làm nghị-đoàn quận Aude.

C'est le premier pas. A la Chambre, il tient bien vite sa place, parce qu'il a des idées claires et la facilité de les exposer; qu'il est ardent sans brutalité; combatif avec souplesse; qu'il tient à ses idées, mais qu'il comprend celles de ses adversaires. Il est essentiellement, et ceci a un sens profond en politique, sympathique. Clémenceau, qui se connaît en hommes, l'appelle auprès de lui en qualité de sous-secrétaire d'Etat. Sous une telle direction, un peu rude parfois, il se forme, il observe et il se mûrit. Le voilà en route pour le grand avenir.

Il est un combattant du groupe radical-socialiste et, comme tel, il ne croit pas à l'utilité de la politique coloniale. Pendant longtemps encore ce parti combattra les efforts de la France pour se donner un Empire extérieur que les conditions de la vie moderne et l'évolution économique nous rendent absolument nécessaire. Aujourd'hui que ce parti a patriotiquement évolué, il nous paraît tout naturel que M. ALBERT SARRAUT ait devancé dans cette voie ses amis politiques et se soit engagé, tout seul, sur le chemin de Damas. Mais il fallait à cette époque, une réelle indépendance d'esprit et une volonté peu banale pour confesser son erreur et accepter en dépit de critiques inévitables, les fonctions difficiles et redoutables de Gouverneur général de l'Indochine. Cet effort, M. Sarraut n'hésita pas à le faire. Il en a été récompensé pas le succès, et quel succès!

Les situations portent les hommes, a dit un philosophe... à moins qu'elles ne les écrasent, a ajouté un sceptique. M. Sarraut, bien que mal préparé à son rôle nouveau, n'en fut pas écrasé. Bien plus, il se produisit dans son cerveau et dans son cœur une évolution rapide

Đó là bước đầu. Ra Nghị-viên chiếm được địa-vị xứng-đáng ngay, vì có trí sáng và có tài nói; hăng-hái mà không bạo-động; ham cạnh-tranh mà biết uyên-chuyên; biết giữ ý-kiến mình, nhưng cũng biết hiểu ý-kiến của kẻ phản-đối mình. Nói tóm lại, ngài rất là một người « khá chuộng, » về chính-trị thế là có giá-trị lắm. Quan CLÉMENCEAU có tiếng là biết người, bèn cử ngài cho làm thứ-trưởng trong bản-bộ. Gặp được ông thầy như thế, có khi cũng khó chiều một chút, nhưng được học-tập, được chín-chắn lên. Từ nay thế là bước vào cái tiền-đồ trước mắt, rộng thênh-thang.

Ngài là một tay xằng-xái trong đảng xã-hội-cấp-tiến, nên ngài không cho chính-sách khai thuộc-địa là có ích. Đảng ấy còn lâu vẫn phản-đối cái công-phu của nước Pháp chiếm-lĩnh đất ngoài để làm đế-quốc của mình, sự ấy nước Pháp không thể dừng được, vì đường sinh-hoạt và lễ kinh-tế đời này bắt-buộc phải như thế. Ngày này đảng ấy đã đổi ý-kiến theo về quốc-gia rồi, nhưng hồi đầu chỉ có một mình quan SARRAUT khuynh-hướng về đường ấy trước cả các đảng-hữu. Phải là người vững lòng mạnh trí lắm mới dám đương giữa lúc bấy giờ thú thực rằng mình đã hiểu lầm, và dù ai bài-bác mặc lòng, dám quả-quyết nhận chức-trách rất khó-khàn nguy-hiểm là chức Toàn-quyền Đông-Pháp. Ngài càng-đáng chức ấy đã làm nên công-nghiệp, mà công-to-tát là đường nào!

Một nhà triết-học kia nói rằng: Thời-thế nâng người ta lên cao; lại có kẻ hoài-nghi nọ nói thêm rằng: nhưng cũng có khi đè người ta đến bẹp. Quan SARRAUT tuy chưa dự-bị được kỹ để đương cái chức-trách mới, nhưng cũng không bị chức trọng ấy đến đè bẹp. Không những thế, mà trong tâm trong

sur laquelle il convient d'insister. Le soleil de l'Extrême-Orient et la beauté de notre œuvre coloniale l'éblouirent en même temps. Ce pays merveilleux et riche, ces paysages d'une beauté insoupçonnée, ces montagnes abruptes et puissantes, ces fleuves majestueux, ces forêts profondes et mystérieuses, cette fécondité prodigieuse du sol, toute cette variété de couleurs, de formes et de contours, et là-dessus, cet immuable et puissant soleil qui crée, sans se lasser jamais, des richesses inouïes, parlent à son âme de poète. Il comprend pourquoi la France a voulu que son drapeau flottât sur cet immense empire asiatique, il saisit la grandeur de l'œuvre d'un Doudart de Lagrée et d'un Francis Garnier, il voit l'intention et il entrevoit le but.

Mais, plus encore, le séduit la population indochinoise. Devant les ruines majestueuses d'Angkor, il évoque l'histoire de ces races dont la civilisation millénaire et raffinée atteste à la fois la noblesse, l'intelligence et la philosophie. Non, ce ne sont pas là des barbares; ce sont des hommes dignes de nous comprendre, que des raisons historiques ont attardés et détournés de leur voie, mais qui sont prêts à se joindre à nous si nous savons leur tenir le langage qu'il convient et leur donner les institutions qu'ils méritent. Et alors M. Albert Sarraut se penche sur ces peuples cachés dans les rizières, dans les montagnes, au bord des fleuves. Tous, Annamites, Cambodgiens, Laotiens provoquent son attention et sa sollicitude. Il entreprend cette politique indigénophile qui lui gagne le cœur de tous et qui, dès maintenant, donne des résultats plus rapides et plus certains qu'on n'aurait pu l'espérer. Qu'on ne s'y trompe pas, et tous les coloniaux le

trí lại kinh-quá một sự biến-đổi mau chóng, trông nên nói tường cho rõ. Mặt trời Á-Đông cùng với công-nghiệp khai thuộc-địa của nước ta đồng-thời như sáng quắc ở trước mắt ngài. Cái xứ lạ-lùng giàu-có kia, những núi treo leo cao-thẳm kia, những sông rộng rãi mênh-mông kia, những rừng sâu u-ám kia, cái đất phi-nhiều lạ kia, bao nhiêu hình-sắc sán-lạn, lại ở trên thời cái mặt trời nóng mạnh, hằng ngày sáng-tạo ra những tài-sản vô-cùng, bấy nhiêu thứ đều cảm-kích đến tấm lòng thơ của ngài. Ngài hiểu rằng vì cớ sao mà nước Pháp lại muốn đem quốc-kỳ cắm ở trên đại-lục Á-châu đó, ngài cảm cái công-nghiệp lớn-lao của những bậc tiền-bổ như DOUDART DE LAGRÉE, như FRANCIS GARNIER; ngài hiểu cái ý-tử và ngài trông thấy cái mục-dích.

Nhưng mà ngài quyến-luyến nhất là các dân cõi Đông-dương. Đứng trước cái cổ-tích trang-nghiêm của đền Đê-Thích, ngài hồi-trởng đến lịch-sử những dân-tộc kia, có văn-minh lạc-lối kẻ hàng nghìn năm, đủ biết là có tinh-cách thông-minh, cao-thượng, có tư-tưởng triết-lý biết dường nào. Không, những dân-tộc ấy không phải là giống dã-man; thật là những người có tư-cách am-hiểu ta, chỉ vì những lẽ riêng về lịch-sử nên bị như lạc đường chậm kém, nhưng nếu ta biết khuyên nhủ nên lời, biết đặt chổ-độ cho xứng-đáng, thời vẫn là sẵn lòng theo chân nối gót với ta. Bấy giờ quan SARRAUT mới đem lòng thương yêu những dân-tộc kia đương nương-nấu ở nơi đồng-ruộng, rừng núi, sông ngòi. Dù là người Việt-Nam, người Cao-miên hay người Ai-lao, ngài một lòng ân-cần quyến-cổ. Ngài xướng ra một cái chính-sách vị người bản-dân, nhờ đó mà ngài thu-phục được dân-tâm, chính-sách ấy hiện nay đã có kết-quả hiển-nhiên chắc-chắn, thật khó-gờ

pensent bien, M. Sarraut jouit dans l'Indochine d'une immense popularité et le jour, qui viendra peut-être, où il retournera pour la troisième fois dans ce pays qui le regrette et qui l'attend, un immense cri de joie et d'espérance saluera son retour. D'ailleurs si les Annamites ne se consolent pas de son départ, il ne s'en console pas davantage. Son cœur et sa pensée se tournent toujours vers ces pays de rêve; il a gardé le souvenir vivant des paysages et des habitants et, pour me servir de sa propre expression, sous le ciel brumeux des hivers de France: « il crève de nostalgie »

Vient la guerre. Le Lieutenant Albert Sarraut fait simplement son devoir; au front, il sert dans le rang et garde sa confiance dans la victoire finale. Après avoir été ministre de l'Instruction publique, il est certain qu'il pourrait trouver sa place dans les ministères successifs; mais il ne demande rien. L'Indochine est de nouveau vacante; c'est à lui qu'instinctivement on fait appel: il accepte et repart, car il y a aussi là un devoir urgent et difficile à remplir. Chacun juge qu'il est l'homme de la situation et il le prouve.

A son retour de l'Indochine, il est ministre des colonies. Certes, il est connu; il est un des hommes en vue, mais, on peut le dire aujourd'hui, il n'a pas encore donné sa mesure. Or, la besogne qui lui est confiée est à sa taille et à son goût. La preuve en est qu'avec lui le ministère des colonies devient ce qu'il aurait dû être depuis longtemps, et ce qu'il n'avait jamais été encore, un grand Ministère. L'opinion publique est secouée et acquiesce par sa parole

vây. Ta phải biết mới được, và chắc là các nhà thuộc-địa đều biết cả, quan SARRAUT ở Đông-Pháp được dân ái-mộ vô-cùng, ngày nào trở lại lần nữa, — mà lần này là lần thứ ba, mà ngày ấy chắc sẽ ới, — dân sẽ tung-hô mà đón mừng vây. Vả dân An Nam phải đời ngài lấy làm buồn, thời ngài đời dân An-Nam cũng chẳng người bao giờ. Tâm ngài tri ngài, thường quay về cái đất mộng kia; bao giờ ngài cũng nhớ hiển-nhiên những phong-cảnh cùng nhân-vật xứ kia, và theo như lời ngài đã nói, những khi mùa đông thăm-đạm ở đất Pháp mà « nhớ Đông-Pháp đến chết mất ».

Chợt xảy ra việc chiến-tranh. Ngài đóng quan hai đi trận như mọi người. Ở trận-tiền, thường ra ngoài hàng trận, và tin rằng thế nào cũng phải đánh được. Sau được cử vào làm Học-bộ-Thượng-thư; giá muốn sung vào các Nội-các sau cũng dễ như không; nhưng ngài không yêu-cầu gì cả. Nhân chức Toàn-quyền Đông-Pháp lại khuyết; Chích-phủ tự-nhiên cử ngài; ngài nhận ngay và đi liền, vì ở kia cũng có một cái nghĩa-vụ cần-cấp khó-khăn, phải đến mau mà đương lấy. Ai cũng cho là không người nào xứng với chức ấy; ngài tỏ ra quả như thế.

Ở Đông-Pháp về, liền vào Thuộc-địa-bộ. Bấy giờ, ai cũng đã biết rồi; thật là một người tài mắt trong chính-giới, nhưng ngày nay ta có thể bình-tình mà nói được, ngài ở bộ Thuộc-địa chưa có dịp trở hết tài năng. Chức-trách ấy không phải là không xứng với tài với sức ngài. Cứ xem ngay bộ Thuộc-địa tự ngày ngài cầm quyền nghiêm-nhiên thành một bộ quan-trọng, đáng phải thế đã lâu mà trước kia chưa được thế bao giờ. Ngài đi

prophétique et enflammée. Sans doute, l'admirable collaboration des troupes indigènes, leur héroïsme et leur esprit de sacrifice, les secours en matières premières envoyées par les colonies ont révélé aux ignorants et aux sceptiques la valeur morale, l'utilité économique et la beauté de notre œuvre coloniale. Mais il ne faut pas que ce souvenir s'efface; il ne faut pas que ces espoirs s'évanouissent; il faut tenir le public en haleine; il faut à cette cause un avocat. Partout il plaide la cause des colonies avec conviction, et avec une chaleur passionnée. Que ce soit au Parlement, dans les Sociétés géographiques, à la conférence de Washington, à la cour du roi des Belges, il saisit toutes les occasions de magnifier l'œuvre de la France, d'exposer les principes de la politique indigène; de montrer les ressources infinies que peut et doit nous offrir, dans les moments difficiles, la mise en valeur méthodique de notre domaine extérieur. L'exposition de Marseille, dont le succès fut immense et qui attira les économistes et les penseurs du monde entier, lui offrit des auditeurs nouveaux, capables de le comprendre et de profiter de ses leçons; il y prononça ses discours les plus beaux et les plus décisifs. De cette tribune il parla de haut et loin.

C'est qu'en effet, M. Sarraut n'est pas seulement orateur; il est l'orateur né. Desservi par une voix sourde et meurtrie, il a, grâce à sa volonté et à son travail, transformé ce défaut en une qua-

thuyết một cách hùng-hoà, dư-luận phải cảm-kích và phục-tông. Vẫn biết rằng nhân có quân lính thuộc-địa sang giúp trong khi chiến-tranh, tỏ ra có lòng can-đảm và có bụng hi-sinh biết đường nào, nhân có các thuộc-địa cung-cấp các vật-liệu cho đủ thứ, dẫn người đốt-nát, kẻ hoài-nghi cũng phải chịu rằng cái công khai thuộc-địa của nước ta là lớn-lao to-tát và có giá-trị riêng về đường đạo-đức, đường kinh-tế, nhưng mà cái cảm-giác ấy, không nên để cho quốc-dân quên đi; những sự hi-vọng ấy không nên để cho tiêu-tán đi; phải cho công-chúng bao giờ cũng hăm-hở mới được; như vậy thời phải có một ông thầy hộ-biện cho thuộc-địa. Ngài đi đến đâu ngài cũng cổ-động hô-hào về thuộc-địa, một cách hăng-hái biết đường nào. Dù nói ở Nghị-viện, ở các hội Địa-dư, ở Hội-nghị Washington, ở triều-đình vua Bỉ-lợi-thì, đâu đâu ngài cũng nhân dịp mà tán-dương cái công-nghiệp của nước Pháp, mà giải bày cái chính-sách đối với bản-dân các thuộc-địa, mà phở bày những tài-sản vô-cùng-tận của thuộc-địa, biết khéo khai-khẩn kinh-lý thì những khi nguy-cấp có thể cung-ứng cho biết bao nhiêu. Nhân dịp Đấu-xảo thành Marseille, thịnh-hành biết đường nào, các nhà kinh-tế, nhà tư-tưởng khắp thế-giới đến xem, ngài lại đọc một bài diễn-thuyết hay nhất và có ảnh-hưởng hơn nhất cả từ xưa đến nay, chắc là được nhiều người nghe và nhiều người có thể thấu hiểu những lời ngài nói. Ngài nói trên cái diễn-đàn ấy, vừa nói được cao và vừa nói được xa vầy.

Vi quan SARRAUT không những là một tay hùng-biện; lại là một tay hùng-biện tự « tiên-thiên » vầy. Ngài vốn phải cái giọng thấp và yếu, thế mà nhờ có công-tập luyện, sự khuyết-điểm lại thành một cái ưu-điểm. Vi

lité. C'est par elle que commençant sur un ton très bas, il force l'attention et quand il a ainsi enchainé son auditoire, il s'échauffe, s'enflamme et ses éclats de voix, parfois brisés, donnent à ses paroles une autorité, une puissance particulières. Cette voix nous est devenue familière; nous l'entendons à travers ses écrits et à travers ses circulaires; elle surprend et conquiert.

L'autre soir, dans un salon, où d'anciens coloniaux discutaient de l'éloquence de M. Sarraut, un de nous disait: « C'est le génie latin qui parle par sa bouche ». Cette opinion provoqua des contradicteurs. « Non, disait-on, ce n'est pas le génie latin, car les latins étaient des juristes qui plaidaient une cause, s'en tenaient à la discussion des faits et ne s'envolaient pas dans les nuages du rêve et de l'abstraction ». Je persiste à croire que le mot *génie latin* est exact si par cette formule on entend le don de traduire la pensée en images somptueuses, de revêtir les faits d'un manteau ample et harmonieusement drapé, de construire un discours, en s'appuyant sur des faits et des dates sans les citer jamais, mais de les concrétiser en des formules définitives et lumineuses. Ne disons pas si on veut « génie latin », mais « génie méditerranéen »; c'est l'éloquence des pays de soleil et de clarté. Quand on y pense, il semble que l'éloquence d'Albert Sarraut s'apparente nettement à celle du grand orateur espagnol Emilio Castelar, plus près de nous, à

giọng thấp cho nên mới bắt đầu nói thật nhỏ, khiến cho người nghe phải để hết ý, đến khi như đã lung-lạc được các thỉnh-giả rồi, bấy giờ mới lên giọng dần, hăng-hái dần, tiếng nói vang lên, có khi như bị gãy vỡ ra, ấy mới lại càng có sức mạnh, có oai-quyền vô-cùng. Tiếng ngài diễn-thuyết chúng ta nghe đã quen; ta đọc văn-từ thư-trát của ngài, cũng hình như văng-vẳng bên tai vậy; tiếng ấy nó làm cho ta hoảng-hốt mà làm cho ta cảm-phục vậy.

Chiều bữa nọ, ở một sa-lông kia, có mấy nhà thuộc-địa cũ thảo-luận về cái tài hùng-biện của quan SARRAUT. Một người nói: « Ngài nói là tiêu-biểu cái tinh-thần La-mã vậy. » Câu ấy bị mấy người khác phân-đối nói rằng: « Không phải là tinh-thần La-mã, vì người La - mã là những tay pháp-luật nói về truyện gì cãi lẽ dich-xác, không có phù - phiếm mơ - màng rồi. » Về phần tôi, tôi cho cái tinh - thần La-mã ấy là đúng, duy phải cắt nghĩa là cái tài riêng diễn-tượng thành văn-chương sán-lạn, như đem một cái áo cà-sa ruòm-rà to-rộng mà khoác mặc cho sự thực vậy, cái tài biết kết-cấu một bài diễn-văn, căn-cứ ở sự thực, ở ngày tháng, mà không cần phải kể rõ ra, nhưng biết tiêu-biểu nó ra bằng những câu răn-giỏi sáng-suốt. Nếu không muốn nói là tinh-thần La-mã (*génie latin*) thì nói là tinh-thần Địa-trung-hải; vì cái tài hùng-biện ấy là lối hùng-biện của xứ sáng-sủa ấm-áp vậy. Thử nghĩ mà so-sánh xem thì thấy lối hùng-biện ấy giống lối của nhà đại-biện-sĩ nước Tây-ban-nha EMILO CASTELAR, hay là gần ta đây là nhà đại-thi-sĩ Ý-dại-lợi GABRIEL D'ANNUNZIO. Quan SARRAUT là người phương Nam, nghe tiếng nói, nhác trông người biết ngay. ALPHONSE DAUDET đã có câu rằng: « Mặt trời và lửa nóng của Nam-phương, người thật

celle du poète Gabriel d'Annunzio. M. Albert Sarraut est méridional ; cela s'entend et cela se sent. « Flamme et soleil du Midi, vous êtes irrésistibles », a écrit Alphonse Daudet. Toute l'éloquence du ministre des colonies tient dans cette formule. Chez lui l'idée se traduit immédiatement en images. Quand il parle des régions dévastées « dont les ruines sinistres seraient plus terribles encore si les éternels printemps ne les revêtaient pas chaque année du manteau vert de l'espérance » ; quand il évoque le danger, monstre terrible et sournois, compagnon de toutes les heures qui guette et menace l'existence des administrateurs, c'est comme une fresque qui se déroule devant l'auditeur surpris, charmé et conquis.

« Rhéteur » ; disent ses ennemis. Rien n'est plus faux. M. Sarraut saisit ceux qui l'écoutent, mais le plus pris, c'est lui-même. Il s'émeut de ce qu'il dit, parce qu'il le pense fortement au moment où il le dit. Quant fut inauguré en 1922 le monument élevé à la mémoire du glorieux Van-Vollenhoven auquel l'attachait une profonde affection, il prononça un discours d'une émotion intense et quand il eut terminé, pendant la durée de la minute sacrée de silence, tous les spectateurs virent de grosses larmes couler des yeux de M. Sarraut, larmes qu'il ne songeait ni à cacher ni à essayer. Qui ne se souvient de quelle voix il prononça son beau discours devant la plaque consacrée aux anciens élèves de l'École colo-

hông-hải vô-dịch.» Cả tài hùng-biện của quan Thuộc-địa-bộ gồm trong một câu ấy. Trong óc ngài, phạm-tư-tưởng diễn ngay ra thành hình-ảnh. Như khi ngài tả cái cảnh những miền bị tàn-phá mà nói rằng : « Vì không có cái xuân qua lại nó đem tấm áo xanh hi-vọng mỗi năm chòm qua cho một lượt thì cái cảnh điêu-tàn này còn thảm biết bao nhiêu » ; hay là khi ngài tả những cái nguy-hiểm ngấm-ngấm mà ác-hại như nó rình mà cướp lấy sinh-mệnh những kẻ đi viễn-hoạn các thuộc-địa, khác nào như mở một bức tranh ra trước mắt các thính-giả khiến cho vừa kinh-hãi, vừa thú-vui và vừa cảm-phục.

Kẻ không ưa ngài bác là người hiểu hư-vấn. Không gì sai bằng. Quan SARRAUT cảm những người nghe mình, mà cảm hơn nhất là chính mình. Ngài nói mà cảm-kích, vì lúc đương nói ấy, trong bụng thật tư-tưởng như thế, mà tư-tưởng một cách mãnh-liệt. Năm 1922 khánh-thành tượng kỷ-niệm ông VAN VOLLENHOVEN là người bình-sinh ngài rất yêu-mến, ngài đọc một bài diễn-văn rất cảm-động, khi đọc xong rồi, trong cái phút lặng-lẽ là phút thánh-thần sau khi dứt lời đó, người đứng đầy đều trông thấy nước mắt rỏ giọt trên mắt ngài, ngài không giấu mà cũng không chùi. Lại ai không nhớ cái giọng ngài đọc bài diễn-thuyết rất hay ở trước tấm đá kỷ-niệm những học - sinh trường Thuộc-địa « tử vì nước » ? Lại những người đã được nghe ngài trong kỳ thi hiển-tranh diễn-thuyết cho người không ai quên

niale morts pour la patrie ? Enfin, tous ceux qui l'entendirent pendant la guerre parler devant les aveugles n'ont jamais oublié avec quelle éloquence émue et déchirante il s'adressa à ces victimes dont il comprenait, mieux que tout autre, le malheur irréparable de ne plus jamais voir la lumière du soleil. Non, s'il était un rhéteur, il ne s'élèverait pas sans efforts vers ces hauts sommets. La preuve qu'il sent ce qu'il dit, et qu'il est maître de sa pensée et de sa phrase, c'est que jamais il n'est plus émouvant que lorsqu'il improvise.

Au reste, pourquoi insister ? Je crois savoir que grâce aux soins de son collaborateur, M. Touzet, paraîtra bientôt un volume qui contiendra tous les discours prononcés par lui depuis 1911. Nous aurons là un précieux recueil de faits, une histoire complète de notre politique des dix dernières années, en même temps qu'un monument littéraire dont on comprendra alors toute la valeur et toute la richesse.

D'autres disent encore : un orateur, certes, et des plus grands, mais un homme d'action, non ! J'accorde volontiers que le « génie » de M. Sarraut s'accommode davantage du vol en plein air que du travail quotidien et absorbant de bureau et qu'il se sent emprisonné dans les quatre murs de son cabinet. Il n'empêche qu'il y passe ses journées, le premier arrivé le matin et partant le dernier le soir. Mais il a sa façon de travailler. Il refuse de se laisser déborder par la paperasse qui absorbe dans un travail mécanique et réduit le Ministre à contresigner passivement le travail des bureaux. Sa formule, aujourd'hui comme hier, est : Je ne fais pas le détail. Il voit en effet par synthèses, par grands plans d'ensemble. Il garde et veut garder le loisir de réfléchir, de méditer aux conclusions générales qui, dans leur développement logique, appelle-

cái giọng cảm-kích như xé ruột, vì ngài cảm-thương cái cảnh khổ-nạn những kẻ vì nước mà đến không bao giờ được trông thấy ánh sáng mặt trời nữa. Không, vì ngài là một nhà hu-vấn, thì không có thể ung-dung mà lên những nơi tuyết-dính như thế. Xem thế này thì đủ biết ngài nói câu gì cảm câu ấy, là những khi ứng-khẩu mà nói, nói mới lại càng tuyết-diệu, nói mới lại càng cảm-kích.

Nhưng mà ta hà-lắt phải biện-bạch nhiều lời ? Tôi được tin rằng ông TOUZET là người giúp việc thân của ngài đang sưu-tập các bài diễn-thuyết của ngài từ năm 1911 đến giờ và sẽ xuất-bản thành sách. Quyển sách đó sẽ vừa là một quyển kỷ-sự qui-báu, một quyển sử trọn- vẹn về chính-trị nước ta trong khoảng mười năm mới đây, lại vừa là một áng văn-chương qui-giá nữa.

Lại có kẻ nói rằng : Ngài là một nhà biện-thuyết, thật thế, mà là một nhà biện - thuyết có tài, nhưng quyết không phải là một tay hành-động ! Tôi cũng chịu rằng cái « thiên-tài » của quan SARRAUT có lẽ ưa vẫy-vùng trong không-khí khoáng-dăng, hơn là ngồi cặm-cui trong buồng giấy kín-mít. Tuy vậy mà ngày nào ngài cũng ở buồng giấy, buổi sớm đến trước mọi người, buổi chiều về sau hết thầy. Song, ngài có cái cách làm việc riêng. Ngài không để bận mình đến những giấy-má bề-bộn-không chịu để quan Thượng-thư như cái máy để ký những công-văn của các to-tào đã soạn sẵn. Cái lối làm việc của ngài trước cũng thế mà nay cũng thế, gồm trong một câu : không bận đến những tiền-tiết. Ngài chỉ xét đến đại-thể, bao gồm tổng-quát mà thôi. Ngài muốn có thì-giờ mà ngắm-nghi

ront les mesures de détail qu'il laisse à ses collaborateurs le soin d'établir. Il échafaude en somme les grandes lignes d'architecture et de fondation dans lesquelles d'autres apporteront le mortier et les moellons qu'il désigne et dont il contrôle la solidité. Il est arrivé au Ministère des Colonies avec des idées, fruits d'une expérience de dix années dans la vie coloniale, avec un plan bien arrêté dont les parties méthodiquement enchaînées ont donné lieu à un ensemble de réformes et d'actes essentiels. Il a apporté rue Oudinot une doctrine coloniale, une méthode de travail, un programme d'action, des moyens de réalisation.

D'abord la doctrine. Il fallait à la politique coloniale française un idéal réaliste et idéaliste à la fois, digne d'une démocratie du XX^e siècle. M. Sarraut a bâti une synthèse coloniale sur l'idée de solidarité humaine, qui fait de la colonisation un agent de l'œuvre humaine de civilisation, légitimant la politique coloniale par le double développement de la richesse humaine et de la richesse matérielle.

Le moteur essentiel de cette politique est le ministère des Colonies. M. Sarraut a trouvé rue Oudinot un vieil organisme composé de pièces et de morceaux superposés ou juxtaposés au hasard des circonstances. Il a jeté ce vieux moteur à la fonte et a construit dans la loi des finances de 1920 un bon instrument simple, souple et résistant, dont toutes les pièces aujourd'hui fonctionnent aisément avec un rendement

mà suy-xét những cái qui-mô lớn-lao, rồi đến khi đem ra thi-hành sẽ nghĩ đến những kế-hoạch nhỏ đẽ cho các người giúp tùy-nghi mà định đặt. Nói tóm lại thì ngài dựng cái qui-mô đại-thế, còn công-gánh đá quây vôi thì đẽ cho người dưới, ngài chỉ kiểm xem có chắc-chắn không. Khi ngài lĩnh Bộ Thuộc-địa thời ngài đã kinh-lịch mười năm ở thuộc-địa, đã có ý-kiến sẵn, đẽ định chương-trình rồi, các bộ-phận chỉnh-đốn cả, thi-hành ngay ra mọi việc cải-cách trọng-yếu. Ngài đến trọng-nhậm ở đường Oudinot đã có sẵn một cái chủ-nghĩa về thuộc-địa, một cái phương-pháp làm việc, một cái chương-trình hành-động, những kế-hoạch thực-hành.

Trước nói về chủ-nghĩa. Chính-sách khai thuộc-địa của nước Pháp phải có một cái chủ-nghĩa vừa thuộc về thực-tế, vừa thuộc về lý-tưởng, xứng-dáng với một nước dân-chủ về thế-kỷ thứ 20. Quan SARRAUT đã lấy cái nghĩa liên-lạc trong nhân-loại làm gốc cho một cái chủ-nghĩa khai thuộc-địa, cho việc khai thuộc-địa là một sự-nghiệp vãn-minh, chủ phát-siễn vừa nhân-tài, vừa địa-lợi, khiến cho sự kinh-lý thuộc-địa thành một việc chính-dáng.

Cơ-quan cốt-yếu của chính-sách thuộc-địa là Bộ Thuộc-địa. Khi quan SARRAUT đến đường Oudinot thì thấy một cái cơ-quan đã cũ-kỹ, chấp nối nhiều mảnh, gặp sao hay vậy. Ngài bèn đem cái máy cũ ấy ra đúc lại, rồi dựng ra luật tài-chính năm 1920 làm thành một cái đồ dùng giản-dị, mềm-mại và bền-chặt, các bộ-phận ngày nay hành-động dễ-dàng lắm, thành-công được nhiều, kiểm đủ được các việc truyền-bá, chủ-trương và giám-sát là chức-trách của Bộ Thuộc-địa. Cảnh

largement accru et qui assure l'œuvre d'expansion, de direction et de contrôle qui est proprement celle du ministère de colonies. Auprès de lui, comme organe de contrôle, rejetant aussi à la forge l'instrument lourd et informe qu'était l'ancien Conseil Supérieur des colonies, M. Sarraut en 1920 a refondu et aménagé un nouvel organisme bien vivant et plus actif, qui assemble toutes les compétences susceptibles de conseiller utilement le Ministère et dont les travaux se poursuivent dans les diverses sections qui assouplissent et harmonisent son fonctionnement.

Il fallait faire connaître à la France son domaine colonial et créer des rapports incessants entre le public et l'action coloniale ; et M. Sarraut a créé dans ce but les Agences Economiques qui, chaque jour, renseignent le public et vulgarisent nos ressources et nos richesses coloniales.

Il fallait permettre l'action libre du travail des gouvernements coloniaux qui, pour pouvoir agir rapidement et efficacement, doivent cesser d'être tenus en lisière, et M. Sarraut a apporté la décentralisation la plus large des pouvoirs des gouverneurs généraux, désormais maîtres d'agir en collaboration avec les représentations locales.

Il fallait enfin, et surtout régler les réalisations du grand labeur colonial dans la conception d'un programme de travail déterminant avec précision les étapes de la mise en valeur coloniale et M. Sarraut a accompli, après quatorze mois de travail, rédiger ce beau rap-

bộ Thuộc-địa trước có một Cao-đẳng-Hội - nghị các thuộc-địa, nhưng nó nặng-nề bác-tập, năm 1920 ngài cũng đem đúc lại làm thành một cơ-quan mới hoạt-động hơn, tập-hợp những người có chuyên-tài để làm chỗ cố-vấn cho quan bộ-trưởng, chia ra các ban hợp sức điều-hòa với nhau.

Lại phải đem các thuộc-địa của nước Pháp bày tỏ cho người Pháp biết, phải cho công-chúng thường biết đến các công-nghiệp ở thuộc-địa. Bởi thế nên ngài đặt ra các Kinh-tế-cục để mỗi ngày báo tin cho thiên-hạ, truyền-bá cho biết những tài-sản của thuộc-địa.

Lại phải cho các Chính-phủ thuộc-địa được rộng quyền hành-động, và muốn để cho thi-thố được mau và có công-hiệu thì không nên hạn-chế như trước nữa. Ngài bèn thi-hành cái chính-sách phân-quyền cho các Chính-phủ thuộc-địa, cho các quan Toàn-quyền được thật rộng quyền chủ-trương mọi việc cùng với các hội đại-nghị của bản-xứ.

Sau hết và cốt nhất phải định cách thực-hành cái sự-nghiệp lớn, là sự kinh-doanh thuộc-địa theo một cái chương-trình bày rõ đường lối đặt lợi cho các thuộc-địa. Quan SARRAUT làm việc trong mười bốn tháng, thảo xong cái chương-trình vĩ-đại người ta thường gọi là chương-trình SARRAUT, có lẽ ở

port qu'on appelle communément le projet Sarraut qui a peut-être été commenté plus à l'étranger qu'en France et qui constitue la seule Charte coloniale que nous ayons encore possédée.

Ce projet qui est pour nos colonies ce que fut pour la Métropole le fameux projet Freycinet, nous trace, pour quinze ans au moins, le travail à accomplir. Mais sans attendre le vote que la Chambre retardé depuis trois ans, il s'est préoccupé d'en commencer la réalisation en lui fournissant les moyens d'action.

A l'heure actuelle, avec les emprunts coloniaux, un fonds de roulement de près de 400 millions est employé à activer les travaux d'outillage économique dans nos grandes possessions et comme à côté des colonies qui ont les moyens de contracter et d'amortir les emprunts, il y a les colonies qui manquent de moyens d'action, M. Sarraut préoccupé de les leur fournir notamment par le projet qui va bientôt vivifier tous nos archipels du Pacifique, grâce aux prêts que leur consentira la grande colonie-sœur prospère et florissante de l'Indochine. Ainsi sera réservé à la France, un rôle de premier plan dans les conflits sinon sanglants du moins économiques qui mettront un jour, bientôt peut-être, aux prises les nations européennes, asiatiques et américaines dans les eaux de l'Océan Indien et du Pacifique.

Ses deux voyages en Afrique-Occidentale ; sa courte incursion à Saint-Pierre et Miquelon ; son séjour à Washington, sont aussi des actes. C'est

ngoại-quốc lại nhiều người nghi-luận hơn là ở nước Pháp, và thật là cái chương-trình đệ-nhất về thuộc-địa, xưa nay chưa có bao giờ.

Chương-trình ấy đối với thuộc-địa không khác gì cái chương-trình trứ-danh gọi là chương - trình FREYCINET đối với Mĩ-quốc, định các công-việc làm ít ra là trong một khoảng mười-lăm năm. Nhưng tự ba năm nay Nghị-viên vẫn chưa quyết-nghị, ngài cũng không đợi nữa, đã bắt đầu cho thực-hành rồi.

Hiện nay, tiền quốc-trái của thuộc-địa cũng được một cái vốn luân-ênuyên tới 400 triệu, cho dùng để làm gấp các công-trình chỉnh-dốn những kinh-tế-dụng-cụ ở các thuộc-địa lớn. Ngoài những thuộc-địa có vốn vay vốn trả như thế, còn những các thuộc-địa không có đủ kế mà hành-động, ngài bèn nghĩ cách giúp-dỡ cho các thuộc-địa ấy, đương bàn nhờ Đông-Pháp là thuộc-địa lớn-lao thịnh-vượng nhất cấp tiền cho vay các thuộc-địa nhỏ ở quần-đảo Thái-bình-dương, như thế thì những nơi ấy có cơ phát-dạt được. Nhờ đó mà nước Pháp sẽ giữ được cái địa-vị cao ở trong cuộc cạnh-tranh các nước Âu, Á, Mĩ ở bề Ấn-độ và bề Thái-bình, dầu không cạnh-tranh đến lưu-huyết, cũng là cạnh-tranh về kinh-tế.

Lại ngài đi kinh-lược hai lần ở Tây-Phi-châu, đi dạo qua một lượt ở hai đảo Saint Pierre và Miquelon ; đi phái-bộ ở Washin... đó cũng là

un Ministre soucieux de ses devoirs que d'aller se documenter sur place et prendre contact avec les populations indigènes dont il veut assurer le bonheur et la prospérité. En somme, il est le premier Ministre des Colonies qui connaisse à la fois l'Indochine et l'Afrique-Occidentale.

Tel est ce « latin », je répète le mot, dont la physionomie récente évoque le profane d'un Consul de l'ancienne Rome. On le discute, on le critique, mais on l'admire aussi et il s'impose. En dehors et au-dessus des partis, il n'est plus un, mais le Ministre des Colonies. Il est l'animateur et l'apôtre de la cause coloniale. Il a déjà beaucoup agi et il est jeune encore. De quoi demain sera-t-il fait pour lui ? Nul ne peut le savoir ; mais il est une force en réserve, un des espoirs, non seulement de la France coloniale, mais de la France tout court.

CAMILLE GUY

(*La Revue Bleue*)

những làm việc cả. Một quan Thượng-thư mà chịu khó đi đến tận nơi để điều-tra, để trực-tiếp với các thổ-dân, muốn tìm đường mưu cho sung-sướng thịnh-vượng, thế là một quan Thượng-thư chăm về chức-trách mình vậy. Ngài thật là quan Thuộc-địa-bộ thứ nhất vừa biết hai cõi thuộc-địa lớn Đông-Pháp và Tây-Phi vậy.

Ấy hình-dung tính-cách quan SAR-RAUT như thế, tính-cách là tính-cách một người « La-tinh », tôi xin nhắc lại tiếng ấy. — mà hình-dung gần đây trông thật giống như hình - dung một quan Tổng-đốc La-mã đời xưa. Có kẻ bình-phẩm, có kẻ bài-bác, nhưng ai cũng phải chịu là người có tài. Ngài không phải là một quan Thuộc-địa-bộ, Ngài là « quan Thuộc địa bộ », nói đến tên bộ Thuộc-địa là nghĩ ngay đến ngài ; ngài đứng ngoài và cao hơn cả các chính-dân vậy. Ngài là người chủ-trương giống-giả về việc thuộc-địa. Ngài làm đã được nhiều việc rồi, mà người còn trẻ. Tiền-đồ sau này thế nào ? Không ai biết được ; nhưng ngài là một cái sức mạnh để dành, một mối hi-vọng không những của thuộc-địa Pháp mà của cả nước Pháp nữa.

